TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **254**/2024/HSST
Ngày 28 tháng 9 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

**** Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Bà Nguyễn Thị Thu Trang**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: **1. Bà Lê Thị Huệ**

2. Bà Nguyễn Thị Thắng

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: **Bà Đỗ Thùy Trang–** Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên Tòa*: **Bà Dương Thị Cẩm Vân –** Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận BTL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 232/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Hà Văn V, sinh năm: 1999; HKTT và nơi ở: Khu CS1, xã T, huyện S, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Họ tên bố: Hà Văn C; Họ tên mẹ: Phùng Thị T; Họ tên vợ: Hà Thị Thanh H; Bị cáo có 01 con sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không theo danh chỉ bản số 357 do Công an quận BTL lập ngày 25 tháng 6 năm 2024.

Hiện bị can đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

**** Người bào chữa cho bị cáo: Hà Văn V là*** Bà **Nguyễn Thị V**- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn K, sinh năm: 1995; HKTT và nơi ở: Bản K, xã L, huyện P, tỉnh S; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Họ tên bố: Phạm Văn H; Họ tên mẹ: Bùi Thị H; Họ tên vợ: Hà Thị T; Bị cáo có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không theo danh chỉ bản số 358 do Công an quận BTL lập ngày 25 tháng 6 năm 2024.

Hiện bị can đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên Tòa

*** Người bị hại: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm: 1988**

HKTT và nơi ở: Số 7D6 phường T, quận X, TP Hà Nội.

Nơi ở: Số 8E4 Tập thể T, phường C, quận B, TP Hà Nội.

(Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Trần Văn T, sinh năm: 1988

HKTT: C1, xã TN, huyện TH, tỉnh M.

Nơi ở: Số 8E4 Tập thể T, phường C, quận B, TP Hà Nội.

(Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

2. Chị **Hà Thị Thanh H- sinh năm 2003**

HKTT và nơi ở: Khu CS 1, xã T, huyện S, tỉnh P.

3. Chị **Hà Thị T - sinh năm 2002**

HKTT và nơi ở: Bản K, xã L, huyện P, tỉnh S;

(chị H và chị T đều có mặt tại phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/4/2024, công an phường P nhận được tin báo của chị Nguyễn Thị P (SN: 1988; HKTT: Số 7D6 phường T, quận X, Hà Nội) về việc bị mất trộm 600m dây điện và 01 máy tời xây dựng tại địa chỉ: Số 4 ngách 25 ngõ 91C, phường D, BTL, Hà Nội xảy ra ngày 23/4/2024. Qua rà soát camera an ninh phát hiện Hà Văn V và Phạm Văn K có hành vi trộm cắp tài sản tại địa chỉ nêu trên nên cơ quan điều tra đã tiến hành mời V và K về trụ sở làm việc.

Vật chứng thu giữ của Hà Văn V:

-03 cuộn dây điện 1 x 1,5mm^2 có chữ Trần Phú và 03 cuộn dây điện 1 x 2,5mm^2 có chữ Trần Phú chưa qua sử dụng;

- 01 máy tời Toàn Phát đã qua sử dụng;

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS: 19N1- 324.16 đã qua sử dụng (SK: RLHJA3923NY052822; SM: JA39E2549752).

Vật chứng thu giữ của Phạm Văn K:

- 01 xe máy Vario màu trắng đeo BKS: 36B7 - 102.00 (SK: 483662; SM: KF41E1484476) đã qua sử dụng.

*Tại bản Kết luận định giá tài sản số 297 ngày 03/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận BTL kết luận:

-03 cuộn dây điện Trần Phú – Trafuco 1 x 1,5mm^2 (chiều dài 03 cuộn: 300 mét) chưa qua sử dụng trị giá 1.621.800 đồng;

- 03 cuộn dây điện Trần Phú – Trafuco 1 x 2,5mm^2 (chiều dài 03 cuộn: 300 mét) chưa qua sử dụng trị giá 2.634.000 đồng;

- 01 máy tời xây dựng Toàn Phát (thông số: Type 100-4; 2,2kw; 220V; Standarrds: IEC 60034-1; 18kg) đã qua sử dụng trị giá 1.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản Hà Văn Vùng và Phạm Văn Khoa trộm cắp là 5.255.800 đồng.

*** Quá trình điều tra xác định**: Ngày 19/4/2024, anh Trần Văn T (SN: 1988, nơi ở: 8E4 Tập thể T, phường C, quận B, TP Hà Nội) là thợ kỹ thuật sửa chữa nhà tại địa chỉ số 4 ngách 25 ngõ 91C, Tổ 12, phường P, BTL, Hà Nội đăng lên mạng tìm thợ làm việc thì Hà Văn V và Phạm Văn K đã liên hệ làm việc tại địa chỉ trên theo hình thức làm ngày nào thanh toán tiền công ngày đó. Tuy nhiên sau nhiều ngày làm việc, K và V không được anh T trả tiền công theo như thỏa thuận, cả hai có liên hệ anh T đòi tiền công nhưng không được. Sau đó cả K và V có bàn bạc thống nhất sẽ lấy dây điện và máy tời tại ngôi nhà đang sửa chữa xây dựng, khi nào anh T và bên kế toán thanh toán tiền công sẽ mang trả lại đồ. Đến khoảng 18 giờ 30 phút ngày 23/4/2024, K điều khiển xe máy Vario màu trắng BKS: 36B7 - 102.00 và V điều khiển xe máy Honda Wave BKS: 19N1 - 324.16 đến ngôi nhà số 4 ngách 25 ngõ 91C, Tổ 12, phường P, BTL, Hà Nội, tại đây K và V mở cửa đi vào và lấy 06 cuộn dây điện và 01 máy tời xây dựng rồi cho lên xe Vario màu trắng BKS: 36B7 - 102.00 của K rồi đem về phòng trọ cất giấu. Đến ngày 29/4/2024, cả K và V đã lên Công an phường P làm việc và tự nguyện giao nộp số tài sản đã trộm cắp được.

Tại cơ quan điều tra, Hà Văn V và Phạm Văn K khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên.

-Đối với 03 cuộn dây điện Trần Phú – Trafuco 1 x 1,5mm^2 (chiều dài 03 cuộn: 300 mét), 03 cuộn dây điện Trần Phú – Trafuco 1 x 2,5mm^2 (chiều dài 03 cuộn: 300 mét) và 01 máy tời xây dựng Toàn Phát (thông số: Type 100-4; 2,2kw; 220V; Standarrds: IEC 60034-1; 18kg) là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị P. Ngày 27/6/2024, cơ quan CSĐT - Công an quận BTL ra Quyết định xử lý vật chứng số 3738 trao trả số tài sản trên cho chủ sở hữu. Chị P đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự.

-Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu đen bạc, biển số: 19N1-324.16 đăng ký mang tên Hán Xuân A (SN: 2004, HKTT: VX, TN, PT) và chiếc xe nhãn hiệu Honda Vario, màu trắng, biển số: 36B7-102.00 đăng ký mang tên Phạm

Thế T (SN: 1990, HKTT: YH, huyện N, tỉnh TH). Tại Cơ quan điều tra anh A và anh T khai nhận 02 chiếc xe trên là xe hai anh mua và đăng ký chính chủ. Tuy nhiên, do không có nhu cầu sử dụng nên đã bán lại cho một người không quen biết. Tiến hành xác minh hai chiếc xe trên không có trong dữ liệu xe máy vật chứng. 02 chiếc xe máy trên là vật chứng của vụ án cần tiếp tục tạm giữ chuyển đến cơ quan Thi hành án dân sự quận BTL để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 228/CT- VKSBTL ngày 12/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm quyết định truy tố các bị cáo Hà Văn V và Phạm Văn K về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

** Tại phiên toà:*

- Các Bị cáo V và K đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và bản cáo trạng đã truy tố.

-Các bị cáo khai: Bị cáo V và bị cáo K có quan hệ là anh em đồng hao với nhau. Thông qua mạng xã hội các bị cáo mới biết anh T đang cần thuê người làm xây dựng nên đã liên lạc để nhận việc và được anh T đồng ý. Bị cáo V và K đều rủ theo vợ mình đi làm cùng do vợ các cáo cũng không có nghề nghiệp gì, ngoài ra còn có 01 người anh là họ hàng của các bị cáo nhận làm thuê về xây dựng tại công trình nhà số 4 ngách 25 ngõ 91C, Tổ 12,phường P, BTL, Hà Nội. Bình thường làm ngày nào anh T trả công ngày ấy, mỗi người 500.000 đồng / ngày. Tuy nhiên làm đến ngày thứ 3, thứ tư gì đó (các bị cáo không nhớ) thì anh T không trả lời cũng không trả tiền, nên các bị cáo nghỉ việc không làm nữa. Do các bị cáo ra Hà Nội và thuê trọ để ở nên phải chị phí tiền sinh hoạt hàng ngày nên rất khó khăn, các bị cáo có điện thoại để nói anh T trả tiền nhiều lần nhưng anh không trả. Ngày 23/4/2024, các bị cáo đi đến nơi công trình để tìm gặp anh T và chủ công trình để yêu cầu trả tiền nhưng khi đến nơi thì cả anh T và chị P đều không ở đấy, vì vậy cả 2 bị cáo cùng mở cửa vào nhà, do trước đây các bị cáo đang làm dở công trình nên các bị cáo vẫn có chìa khóa vào nhà. Sau khi mở cửa vào thấy có các cuộn dây điện và 01 máy tời xây dựng thì các bị cáo mới bảo nhau lấy mang về nhà để với mục đích để làm áp lực cho anh T, chị P trả tiền công cho các bị cáo. Sau khi lấy tài sản về các bị cáo vẫn để ở nhà và vẫn liên lạc với anh T, chị P để yêu cầu anh, chị thanh toán nốt tiền công thì chị P thông báo là đã trình báo công an. Các bị cáo kém hiểu biết nên không lường trước hậu quả, nên bây giờ các bị cáo rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình các bị cáo, bố mẹ bị bệnh tật, các bị cáo có con nhỏ nhưng vợ chồng đều phải nên Hà Nội ở trọ và đi kiếm tiền lo cuộc sống gia đình hàng ngày. Do số tiền anh T nợ các bị cáo có cả tiền công của vợ bị cáo V và bị cáo K cùng 1 người nữa, nên nếu không lấy được tiền về thì gia đình các bị cáo không có tiền để lo chi phí gia đình.

- Việc các bị cáo lấy các tài sản của người bị hại nảy sinh khi đến công trình để gặp anh T và chị P đòi tiền công nên không có sự bàn bạc, phân công gì.

- Bị cáo V khai nhận chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS: 19N1- 324.16 là của bố bị cáo cho và vợ chồng bị cáo bỏ tiền ra mua, làm phương tiện đi lại của cả gia đình và đó là tài sản chung của vợ chồng bị cáo với bố bị cáo. Khi mua xe gia đình chỉ để bị cáo đứng tên mua bán cho tiện. Nay vợ bị cáo và bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc xe trên cho gia đình bị cáo vì hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, đó cũng là tài sản duy nhất có giá trị và để sử dụng đi làm kiếm tiền cho gia đình bị cáo.

- Bị cáo K cũng khai nhận chiếc xe máy nhãn hiệu Vario màu trắng đeo BKS: 36B7 - 102.00, đã qua sử dụng là của vợ chồng bị cáo bỏ tiền ra mua làm phương tiện đi lại nên là tài sản chung của vợ chồng bị cáo. Khi mua xe gia để bị cáo đứng tên mua bán cho tiện. Nay vợ bị cáo và bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc xe trên cho gia đình bị cáo vì hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, đó cũng là tài sản duy nhất có giá trị và để sử dụng đi làm kiếm tiền cho gia đình bị cáo.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Hà Thị Thanh H và chị Hà Thị T đều nhận lời trình bày của 2 bị cáo và đều mong Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho gia đình các tài sản này. Chị H và chị T đều không biết được việc V và K đi trộm cắp vì các bị cáo nói chỉ đi đến tìm gặp anh T đòi tiền công.

- Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

** **Người bào chữa cho bị cáo: Hà Văn V trình bày quan điểm***:

Viện kiểm sát nhân dân quận BTL truy tố bị cáo như nội dung cáo trạng đã nêu là đúng người đúng tội. Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi bị công an bắt giữ thì bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu. Hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, cả 2 vợ chồng bị cáo đều đi làm lao động thuê, còn bị cáo còn quá nhỏ, bị cáo là người dân tộc và thuộc trường hợp cận nghèo tại địa phương. Bị cáo có nhận thân tốt, mục đích bị cáo cùng bị cáo Khoa lấy các tài sản của bị hại không phải vì để bán lấy tiền mà chỉ để gây áp lực cho chị P và anh T trả tiền công làm thuê.Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xem xét cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội và hưởng mức án thấp hơn mức đề xuất của Viện kiểm Sát để bị cáo có hội sửa đổi bản thân, chăm lo cho gia đình vợ con.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Miễn án phí cho bị cáo.

**** Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu quan điểm:***

Sau khi phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự ; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tuyên phạt bị cáo V mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 12 đến 18 tháng;

- Tuyên phạt bị cáo K mức án từ từ 06 tháng đến 09 nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 12 đến 18 tháng;

**** Về tang vật:***

+ Tại phiên Tòa các bị cáo đều khai nhận 01 xe máy Vario màu trắng đeo BKS: 36B7 - 102.00, đã qua sử dụng và 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS: 19N1- 324.16 đều là do vợ chồng các bị cáo mua để làm phương tiện đi lại lao động kiếm sống hàng ngày, tiền mua xe của bị cáo V còn có của bố bị cáo . Việc các cáo sử dụng xe để đi trộm cắp vợ và gia đình các bị cáo đều không biết và đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng các bị cáo. Gia đình các bị cáo đã có đơn xin được trả lại xe làm phương tiện đi lại nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe cho gia đình các bị cáo.

****Về trách nhiệm dân sự:***

-Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản không có yêu cầu về dân sự nên không xem xét.

- Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt tiền;

- Bị cáo vùng được miễn án phí HSST; bị cáo K phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

-Các bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

- Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, các bị cáo không có tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình của các bị cáo, cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội để các bị cáo có cơ hội sửa đổi bản thân trở thánh công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi và tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên, các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận BTL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận BTL, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra thu thập được, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 23/4/2024, tại địa chỉ số 4 ngách 25 ngõ 91C, Tổ 12, phường P, BTL, Hà Nội, Hà Văn V và Phạm Văn K có hành vi trộm cắp của chị Nguyễn Thị P 03 cuộn dây điện Trần Phú – Trafuco 1 x 1,5mm^2 (chiều dài 03 cuộn: 300 mét), 03 cuộn dây điện Trần Phú – Trafuco 1 x 2,5mm^2 (chiều dài 03 cuộn: 300 mét) và 01 máy tời xây dựng Toàn Phát (thông số: Type 100-4; 2,2kw; 220V; Standarrds: IEC 60034-1; 18kg) với tổng giá trị là 5.255.800 đồng. Tài sản đã được thu hồi và trao trả cho chủ sở hữu.

Hành vi của các bị cáo Hà Văn V và Phạm Văn K đã đủ cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản". Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3]. Xét hành vi của các bị cáo: Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công cụ thể và vai trò của các bị cáo là ngang nhau. Hành vi của các bị cáo là lợi dụng sơ hở của người bị hại, để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của họ. Các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp với lỗi cố ý. Mặc dù hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được nhà nước bảo vệ, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng đến an toàn xã hội. Tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận thấy: Động cơ và mục đích phạm tội của các bị cáo không phải để mục đích lấy tiền tiêu sài mà chỉ là gây áp lực cho anh T và người bị hại thanh toán trả tiền công đã làm việc cho các bị cáo; Các bị cáo không có ý định trộm cắp của người bị hại mà chỉ phát sinh sau khi các bị cáo đến tìm nhưng không gặp được anh T và người bị hại.

[4]. Xét nhân thân của các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên cho các bị cáo Hà Văn V và Phạm Văn K được hưởng tình thiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Vùng là người dân tộc và gia đình

thuộc hộ cận nghèo, nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5]. Xét thấy các bị cáo đều có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt và ý thức chấp hành pháp luật tại địa phương, gia đình các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và cũng là để tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội sửa đổi bản thân, giúp đỡ cho gia đình nuôi dạy con cái, vì vậy cho các bị cáo Hà Văn V và Phạm Văn K được cải tạo ngoài xã hội theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự, nhưng các bị cáo cũng phải chịu sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú.

[6]. Theo quy định thì ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7]. Về phần bồi thường dân sự: Người bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản và không có yêu cầu bồi thường về dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu đen bạc, biển số: 19N1-324.16 thu giữ của bị cáo V và chiếc xe nhãn hiệu Honda Vario, màu trắng, biển số: 36B7-102.00 thu của bị cáo K. Tại phiên Tòa cũng đã làm rõ được đây là tài sản hợp pháp của gia đình các bị cáo. Xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, gia đình các bị cáo không biết các bị cáo sử dụng các tài sản này vào việc phạm tội, nên Hội đồng xét xử trả lại cho gia đình các bị cáo.

[12]. Về án phí HSST:

- Bị cáo V được miễn án phí HSST theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

-Bị cáo K phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13]. Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Hà Văn V và Phạm Văn K phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17 ; điểm i,s khoản 1, Khoản 2 (đối với bị cáo V) Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự ; khoản 2 Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 (đối với bị cáo V) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Xử phạt: Hà Văn V 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Hà Văn V về Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh P để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

-Xử phạt: Phạm Văn K 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Văn K về Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh S để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về phần bồi thường dân sự: Người bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản và không có yêu cầu bồi thường về dân sự, nên không xem xét.

4..Vật chứng của vụ án:

-Trả lại cho chị Hà Thị Thanh H 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS: 19N1-324.16 (SK: RLHJA3923NY052822; SM: JA39E2549752), đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong.

- Trả lại cho chị Hà Thị T 01 xe máy Vario màu trắng đeo BKS: 36B7 - 102.00 (SK: 483662; SM: KF41E1484476) đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong.

Hiện các vật chứng trên, Chi cục Thi hành án dân sự quận BTL, TP Hà Nội đang quản lý theo biên bản bàn giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng số 286/24 ngày 26 tháng 9 năm 2024

5. Về án phí HSST:

- Bị cáo Hà Văn V được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Phạm Văn K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

-Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

<u>NƠI NHẬN</u>:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm;
- Công an quận Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THADS quận Bắc Từ Liêm;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Thị Thu Trang